

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :287

sáng; Bánh mì ốp la nộmc măm
NT,mam : chao ca điều hong cái bỏ xoi
Sữa grow
Trữa : Cơm nấu hủ nhồi thòt sốt ca chua.
Canh cái bẻ dùng tom khoi thòt heo nạc
Mon luoc: bí xanh
Xe: sữa chua việt quất
Xe chieu:Phô thòt bỏ viên nam ca rot gia sa
rau hung

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37010				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Cà điệp	2,000	22,680	453,600
3	Tom khoi	200	78,100	156,200
4	Nộmc măm Cà (loại 1)	3,000	5,940	178,200
5	Dầu thảo mộc	5,000	6,280	314,000
6	Nộmc cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	1,000	990	9,900
9	Gạo tẻ máy	21,000	2,630	552,300
10	Hành lá	1,500	5,360	80,400
11	Hành củ tội	1,000	5,780	57,800
12	Nam rôm	500	13,130	65,650
13	Cà rot	2,500	5,460	136,500
14	Gia nấu xanh	1,000	2,520	25,200
15	Bí náo (Bí xanh)	3,500	4,310	150,850
16	Cái bỏ xoi	1,500	8,510	127,650
17	Cải xanh	7,000	5,570	389,900
18	Cà chua	3,500	5,670	198,450
19	Sai	300	2,840	8,520
20	Rau hung	100	11,870	11,870
21	Bánh chả	1,000	18,700	187,000
22	Bánh mì lát	10,000	4,600	460,000
23	Nấu hủ chiên	14,000	3,300	462,000
24	Bánh phở	15,000	1,820	273,000
25	Thòt lợn nạc	10,700	18,060	1,932,420
26	Thòt bỏ loại 1	2,000	37,800	756,000
27	Trứng gà toàn phần	9,500	4,400	418,000
28	Yaourt	28,700	5,950	1,707,650
Cong				9,289,360
	*XUAT KHO			
29	Sữa bột Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cong				1,332,500
Tổng tiền thức phẩm				10,621,860 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộmc chi trong ngày				10619000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				-2860(đ)
Xuất ăn luy kê tổ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tổ nấu tháng				
Tiền chi luy kê tổ nấu tháng				